

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2022

ĐIỂM CHUẨN TRỪNG TUYỂN VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Năm học 2022 - 2023

STT	Mã trường	Tên trường	ĐIỂM CHUẨN		
			NV1	NV2	NV3
1	01FA01	THPT Trưng Vương	21	21.5	22
2	01FA02	THPT Bùi Thị Xuân	22.25	22.5	23
3	01FB01	THPT Ten Lơ Man	17.75	18.75	19
4	01HA04	THPT Năng khiếu TDTT	12	12.25	14.5
5	01HB05	THPT Lương Thế Vinh	21	22	22.25
6	02FA01	THPT Giồng Ông Tố	17.5	18	18.25
7	02HA01	THPT Thủ Thiêm	13.75	14.25	15.5
8	03FA01	THPT Lê Quý Đôn	22.25	22.5	23.5
9	03FA02	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	23.25	23.5	23.75
10	03FA03	THPT Lê Thị Hồng Gấm	13.5	14.25	15
11	03FB02	THPT Marie Curie	19.5	20.25	20.5
12	03HB12	THPT Nguyễn Thị Diệu	16	16.5	16.75
13	04FA01	THPT Nguyễn Trãi	13	13.5	14
14	04HA01	THPT Nguyễn Hữu Thọ	15	15.5	15.75
15	05EA02	Trung học thực hành Sài Gòn	20.75	21.25	21.75
16	05FA02	THPT Hùng Vương	18.25	18.5	18.75
17	05FA04	Trung học Thực hành - ĐHSP	19.75	20.25	20.5
18	05FB01	THPT Trần Khai Nguyên	20.25	21.25	22
19	05HB01	THPT Trần Hữu Trang	14	14.5	15
20	06FA01	THPT Mạc Đĩnh Chi	22.75	23.25	23.75
21	06FA02	THPT Bình Phú	19.5	19.75	20
22	06FA03	THPT Nguyễn Tất Thành	16.75	17	17.25
23	06FA04	THPT Phạm Phú Thứ	15	15.25	15.5
24	07FA01	THPT Lê Thánh Tôn	17	18	18.25
25	07FA02	THPT Tân Phong	13.5	13.75	14.75
26	07HA01	THPT Ngô Quyền	19.75	20.75	21.25
27	07HB01	THPT Nam Sài Gòn	18.75	19	19.5

STT	Mã trường	Tên trường	ĐIỂM CHUẨN		
			NV1	NV2	NV3
28	08FA01	THPT Lương Văn Can	12	12.25	12.5
29	08FA02	THPT Ngô Gia Tự	12.5	12.75	13.5
30	08FA03	THPT Tạ Quang Bửu	15	15.5	15.75
31	08FA04	THPT Nguyễn Văn Linh	10.5	10.75	11
32	08FA05	THPT Võ Văn Kiệt	16	16.5	16.75
33	08HA01	THPT Chuyên Năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	13	13.5	13.75
34	09FA01	THPT Nguyễn Huệ	15.5	15.75	16
35	09FA02	THPT Phước Long	16.75	17.25	17.75
36	09FA03	THPT Long Trường	11	11.25	12.25
37	09FA04	THPT Nguyễn Văn Tăng	10.75	11	11.5
38	09FA05	THPT Dương Văn Thi	14	14.75	15
39	10FA01	THPT Nguyễn Khuyến	17.5	18.25	18.5
40	10FA02	THPT Nguyễn Du	20.5	21	21.25
41	10FB01	THPT Nguyễn An Ninh	14.75	15	16
42	10HB01	THCS và THPT Diên Hồng	14	15	15.5
43	10HB43	THCS và THPT Sương Nguyệt Anh	13.75	14.25	15.5
44	11FA01	THPT Nguyễn Hiền	18.5	18.75	19
45	11FA02	THPT Trần Quang Khải	16	17	17.25
46	11FB01	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	15.75	16.25	16.5
47	12FA01	THPT Võ Trường Toản	20.75	21.75	22
48	12FA02	THPT Trường Chinh	17.75	18.25	18.5
49	12HA01	THPT Thạnh Lộc	16	16.5	16.75
50	13FA01	THPT Thanh Đa	14.75	15.5	16.5
51	13FA02	THPT Võ Thị Sáu	19.75	20	21
52	13FA03	THPT Gia Định	23	23.5	23.75
53	13FA04	THPT Phan Đăng Lưu	14.5	15.5	16.5
54	13FA05	THPT Trần Văn Giàu	15.75	16.5	17
55	13FB01	THPT Hoàng Hoa Thám	18.5	18.75	19
56	14FA01	THPT Gò Vấp	16.5	17.75	18
57	14FA02	THPT Nguyễn Công Trứ	20	21.25	22

STT	Mã trường	Tên trường	ĐIỂM CHUẨN		
			NV1	NV2	NV3
58	14FA03	THPT Trần Hưng Đạo	19.5	20	20.25
59	14FB03	THPT Nguyễn Trung Trực	17	17.75	18
60	15FA01	THPT Phú Nhuận	22.5	23.5	23.75
61	15FB02	THPT Hàn Thuyên	15.25	16	16.75
62	16FA01	THPT Tân Bình	19	20.25	21.25
63	16FA18	THPT Nguyễn Chí Thanh	20	20.5	20.75
64	16FA19	THPT Trần Phú	22.75	23	23.25
65	16FA20	THPT Nguyễn Thượng Hiền	24.25	24.5	24.75
66	16FB21	THPT Nguyễn Thái Bình	17.75	18	18.25
67	17FA01	THPT Nguyễn Hữu Huân	23.25	23.5	23.75
68	17FA02	THPT Thủ Đức	20.5	20.5	20.75
69	17FA03	THPT Tam Phú	17.25	17.5	17.75
70	17FA04	THPT Hiệp Bình	14.5	14.75	15
71	17FA05	THPT Đào Sơn Tây	12	12.5	13
72	17FA06	THPT Linh Trung	14.5	14.75	15
73	17FA07	THPT Bình Chiểu	12.5	13.25	14
74	18FA01	THPT Bình Chánh	11	11.25	11.5
75	18FA04	THPT Tân Túc	12	12.5	13
76	18FA05	THPT Vĩnh Lộc B	13.5	14	14.25
77	18FA06	THPT Năng khiếu TDTT huyện Bình Chánh	11	11.25	11.5
78	18FA07	THPT Phong Phú	10.5	10.75	11
79	18HA02	THPT Lê Minh Xuân	14	14.5	14.75
80	18HA03	THPT Đa Phước	10.5	10.75	11
81	19EA07	THCS và THPT Thạnh An	10.5	10.75	11
82	19FA01	THPT Bình Khánh	10.5	10.75	11
83	19FA02	THPT Cần Thạnh	10.5	10.75	11
84	19FA03	THPT An Nghĩa	10.5	10.75	11
85	20FA01	THPT Củ Chi	15	15.25	15.75
86	20FA02	THPT Quang Trung	12	12.25	12.5
87	20FA03	THPT An Nhơn Tây	10.5	10.75	11

STT	Mã trường	Tên trường	ĐIỂM CHUẨN		
			NV1	NV2	NV3
88	20FA04	THPT Trung Phú	12.75	13	13.5
89	20FA05	THPT Trung Lập	10.5	10.75	11
90	20FA06	THPT Phú Hòa	12	12.25	12.5
91	20FA07	THPT Tân Thông Hội	13	13.75	14
92	21FA01	THPT Nguyễn Hữu Cầu	22	22.25	22.5
93	21FA02	THPT Lý Thường Kiệt	19	20	20.25
94	21FA03	THPT Bà Điểm	17.75	18	18.5
95	21FA04	THPT Nguyễn Văn Cừ	14.5	14.75	15
96	21FA05	THPT Nguyễn Hữu Tiến	17	17.25	17.5
97	21FA06	THPT Phạm Văn Sáng	15.5	16.25	16.75
98	21FA07	THPT Hồ Thị Bi	15	16	16.25
99	22FA01	THPT Long Thới	12.75	13	13.25
100	22FA02	THPT Phước Kiển	12	12.25	12.75
101	22FA03	THPT Dương Văn Dương	13	13.25	13.5
102	23FA01	THPT Tây Thạnh	21	22.25	23
103	23FA02	THPT Lê Trọng Tấn.	19	19.25	19.5
104	24FA01	THPT Vĩnh Lộc	16.25	16.75	17
105	24FA02	THPT Nguyễn Hữu Cánh	17.5	17.75	18.25
106	24FA03	THPT Bình Hưng Hòa	17.25	18	18.5
107	24FA04	THPT Bình Tân	14.5	15	15.75
108	24HA01	THPT An Lạc	15	15.5	15.75

